| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN HỒNG**<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày 13/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Cư.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trần Chí Thanh.
2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa***: Ông Lê Bình Nguyên – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04/3/2025 và ngày 13/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ử, sinh năm, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị T trình bày:* Vào năm 2018, chị Nguyễn Thị Thúy N có đến nhà bà T để hỏi vay 200.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, không hẹn ngày trả, do chị N là con ruột của bà Ử mà bà Ử là chỗ quen biết rất thân nên việc cho vay giữa bà T với chị N không làm giấy tờ thậm chí những lần vay của bà Ử với bà T cũng không làm giấy tờ.

Đến ngày 10/01/2020 chị N có trả cho bà T 50.000.000 đồng, tiếp đến ngày 10/02/2020 chị N trả thêm 10.000.000 đồng và từ đó cho đến nay chị N không trả nữa. Bà T đòi nhiều lần nhưng chị N cứ hứa, cùng lúc đó bà Ử cũng thiếu tiền vay của bà T. Bà T sợ bà Ử nói ngược nên vào ngày 25/9/2023 bà T điện thoại cho bà Ử để chốt nợ giữa bà T với bà Ử và chốt nợ giữa bà T với chị N (vì nợ của chị N thì bà Ử biết rất rõ), cuộc hội thoại được bà T ghi âm lại và lúc này bà Ử cũng thừa nhận chị N còn thiếu bà T 140.000.000 đồng sau khi trừ đi 60.000.000 đồng, còn bà Ử thiếu bà T 1,3 tỷ đồng.

Việc bà Ử không trả nên vào ngày 25/9/2023 bà T khởi kiện đến Tòa án khi đó bà Ử nói ngược nhưng khi bà T đưa đoạn ghi âm ngày 25/9/2023 cho bà Ử nghe thì bà Ử thừa nhận nợ và Tòa án đã hòa giải thành. Còn khoản nợ của chị N thì chị N không chịu trả.

Theo đơn kiện thì bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, xem xét giải quyết như sau: Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không tính lãi.

Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 bà Ử khai nợ này là của bà Ử vay chứ không phải chị N vay. Vì vậy, nay bà T thay đổi yêu cầu cụ thể: Yêu cầu bà Trần Thị Ử và chị Nguyễn Thị Thúy N cùng liên đới trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà T, bà T không yêu cầu tính lãi.

Còn việc bà Ử cho là việc nợ vay 140.000.000 đồng này đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 là không đúng. Bởi, khi bà T khởi kiện đòi nợ bà Ử tổng số nợ là 1.450.000.000 đồng, bà T không có tính số tiền nợ 140.000.000 đồng của chị N nợ vào, lý do chị N nợ chứ không phải bà Ử nợ mà tính vào khoản nợ của bà Ử, bà Ử trả được 490.000.000 đồng còn nợ 960.000.000 đồng nên bà T thưa kiện thì lúc đầu bà Ử không thừa nhận mà bà Ử cho rằng chỉ nợ bà T 700.000.000 đồng và đã trả cho bà T 490.000.000

đồng chỉ còn nợ lại 210.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa ngày 06/6/2024 bà T mở đoạn ghi âm cho bà Ử nghe thì bà Ử thừa nhận và bà T cũng đã đồng ý bỏ bớt chỉ yêu cầu bà Ử trả 700.000.000 đồng vay gốc, không tính lãi, bà Ử cũng đồng ý nên mới hòa giải thành tại phiên tòa. Vụ việc này nay bà T yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ mà bà T đã kiện bà Ử trước đó để chứng minh cho lời khai của bà T là đúng sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà T thay đổi yêu cầu, cụ thể chỉ yêu cầu một mình bà Ử trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng, không tính lãi.

- *Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thúy N:* Không đồng ý theo yêu cầu của bà T. Chị N không có hỏi vay nợ gì với bà T. Nếu chị N thiếu của bà T thì tại sao bà T không đòi nợ với chị N mà đi nói chuyện với mẹ chị N là bà Ử. Nợ này bà Ử cũng đã thừa nhận thì tại sao bà T lại yêu cầu chị N phải liên đới trả. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà T chỉ yêu cầu một mình bà Ử trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng chị N không ý kiến.

- *Theo lời trình bày của bà Trần Thị Ử:* Bà Ử thừa nhận trong đoạn ghi âm ngày 25/9/2023 giữa bà T với bà Ử mà bà T cung cấp có nói chị N còn nợ 140.000.000 đồng đây là nợ của bà Ử chứ không phải nợ của chị N nhưng số nợ này đã được Tòa án giải quyết trong hồ sơ thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 mà Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024. Do đó, qua yêu cầu của bà T thì bà Ử không đồng ý. Bà Ử yêu cầu Tòa án lấy toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 để chứng minh cho việc khoản nợ 140.000.000 đồng này đã được bà T yêu cầu giải quyết rồi.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về dân sự và bị đơn hiện nay đang sinh sống, có mặt tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vay nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện thì bà T yêu cầu chị N trả nợ vay nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 bà T thay đổi yêu cầu, cụ thể yêu cầu chị N và bà Ử cùng liên đới trả nợ vay nên Tòa án thông báo đưa bà Ử vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng theo quy định tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà Ử trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua lời khai của bà Ử vào ngày 30/12/2024 tại Tòa án thì bà Ử thừa nhận giọng nói trong đoạn hội thoại vào ngày 25/9/2023 giữa bà Ử với bà T được bà T ghi âm lại đúng là giọng nói của bà Ử, từ "nó" trong đoạn hội thoại được đề cặp đến thì bà Ử xác định là chị N còn việc vay nợ giữa bà T với chị N như thế nào thì bà Ử không biết nhưng qua nội dung trong đoạn hội thoại thì thể hiện bà Ử biết rất rõ việc chị N thiếu nợ của bà T 200.000.000 đồng và chị N có trả cho bà T được 02 đợt tổng cộng 60.000.000 đồng còn nợ lại 140.000.000 đồng và do hoàn cảnh khó khăn nên chị N chưa trả. Cho nên xét thấy bà Ử khai giữa chị N và bà T có vay nợ hay không thì bà Ử không biết, lời khai nhận này của bà Ử là không trung thực.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 bà Ử khai nhận chị N được đề cặp đến trong đoạn hội thoại ngày 25/9/2023 còn nợ bà T 140.000.000 đồng đây là nợ của bà Ử chứ không phải nợ của chị N, vì bà Ử đã hỏi vay của bà T rất nhiều lần, sợ bà T không cho bà Ử vay tiếp nên mới nói người hỏi vay là chị N (con gái của bà Ử) nhưng số nợ này đã được Tòa án giải quyết trong Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy ngay lời khai nhận của bà Ử tại Tòa án lần đầu vào ngày 30/12/2024 và khai nhận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 là không trung thực. Đồng thời, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và đã được Tòa án ban hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 thì việc bà Ử cho rằng bà T

đã yêu cầu bà Ử trả số nợ này rồi là không phù hợp, bởi trong đoạn hội thoại vào ngày 25/9/2023 giữa bà Ử với bà T đã chốt nợ với nhau và việc bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Ử trả nợ là phù hợp với số nợ vay của bà Ử trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Việc bà T khai chị N còn nợ 140.000.000 đồng nên bà T yêu cầu chị N trả chứ khi bà T kiện bà Ử thì không có cộng số nợ này vào là do hai người nợ khác nhau, bởi trong đoạn hội thoại nói rõ 02 khoản nợ: khoản nợ của chị N 200.000.000 đồng trả được 02 đợt tổng cộng 60.000.000 đồng còn nợ 140.000.000 đồng; khoản nợ của bà T 1,3 tỷ đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bà T là phù hợp. Bởi, theo các lời khai của bà T và bà Ử trong hồ sơ vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đều không đề cặp đến số nợ tên N hỏi vay. Theo lời khai nhận của bà Ử vào ngày 07/3/2025 tại Tòa án và các lời khai nhận tại các phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025, ngày 13/3/2025 thì bà Ử cho là khi hỏi vay 200.000.000 đồng là để tên N vay là do sợ bà T không cho bà Ử vay tiếp đều đó có nghĩa bà T chỉ biết chị N vay nên khi bà T khởi kiện bà Ử trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 không đề cặp đến khoản nợ của chị N là phù hợp. Như vậy, cho thấy số nợ 140.000.000 đồng mà bà T yêu cầu trong vụ án này là chưa được giải quyết trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023.

Chị N cho là không nợ bà T, còn việc nợ giữa bà T với bà Ử thì chị N không biết. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà T thay đổi yêu cầu, cụ thể chỉ yêu cầu một mình bà Ử trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng, không tính lãi. Như đã nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Buộc bà Ử chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu của T. Tuy nhiên, xét bà Ử thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ cho bà Ử.

- Bà T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do bà T thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị Ử trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ử được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/3/2025).

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi Cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Cư**